

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST

Ngày 10 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
giữa bà M và bà T ông C.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiên

Ông Nguyễn Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát Viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về Vệc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Đồng bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962 và ông Phạm Bá C, sinh năm 1961

Đều trú tại: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn Vy, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa bà M, ông Vy, bà T và ông C đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2022 và trong quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày: Bà với vợ chồng bà T là hàng xóm với nhau, vào ngày 20/12/2020 âm lịch (tức ngày 01/02/2021 dương lịch) tại gia đình vợ chồng bà đã cho bà Vũ Thị T vay số tiền gốc là 70.000.000 đồng mục đích sử dụng Vệc gia đình.

Khi vay hai bên có lập văn bản “Giấy vay tiền” do bà T Vết, lãi suất 02 triệu đồng 1 tháng, đến ngày 20/02/2021 âm lịch (tức ngày 01/4/2021 dương lịch) bà T có nghĩa vụ trả đủ cho vợ chồng bà số tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Tuy nhiên, sau nhiều lần đôn đốc nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả cho vợ chồng bà khoản tiền nào. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét buộc vợ chồng bà Vũ Thị T phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng. Về lãi suất bà tự nguyện yêu cầu vợ chồng bà T trả cho vợ chồng bà 1% tháng/số nợ gốc tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn: Tại bản tự khai ngày 20/5/2022 bà Vũ Thị T trình bày: Khoảng năm 2018 bà có vay của vợ chồng bà M số tiền là 60 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận miệng mỗi tháng bà phải trả cho bà M 4.500.000 đồng tiền lãi, bà đã trả được 02 năm (tiền lãi) sau đó bà không có khả năng trả được nữa nên bà M ép bà Vết giấy vay nợ mới vào ngày 20/12/2020 âm lịch với số tiền 70 triệu đồng (trong đó có 60 triệu đồng nợ gốc và 10 triệu đồng lãi chậm trả), lãi suất 02 triệu đồng một tháng. Bà M là người cho vay nặng lãi, bà đã trả cho bà M số tiền lãi lên đến 108.000.000 đồng bà thấy số tiền này đã quá tiền gốc rồi nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà M. Đồng thời bà đề nghị Tòa án không đưa chồng bà là ông Phạm Bá C vào tham gia tố tụng vì bà đứng ra vay tiền hộ cho người khác không sử dụng vào Vệc chung của gia đình, nhưng bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đề nghị Tòa án xem xét.

Ông Phạm Bá C đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm Việc nhưng ông không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn Vy nhất trí với trình bày của bà Đoàn Thị M, ông không có bổ sung ý kiến nào khác

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Bà My, ông Vy đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng, bà T và ông C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về Việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Vũ Thị T và ông Phạm Bá C liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn Vy 70.000.000 đồng tiền gốc và 12.810.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 82.810.000 đồng (Tám mươi hai triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T và ông Phạm Bá C liên đới phải nộp 4.140.000 đồng. Hoàn trả cho bà Đoàn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Văn Vy có đơn xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Bà Vũ Thị T và ông Phạm Bá C đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định. Tại phiên tòa lần thứ 2 bà T và ông C vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Ngày 20/12/2020 âm lịch (tức ngày 01/02/2021 dương lịch) bà Vũ Thị T Vết “Giấy vay tiền” của bà Đoàn Thị M với số tiền gốc là 70.000.000 đồng, mục đích sử dụng Vệc gia đình. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 02 triệu đồng một tháng và thời hạn trả ngày 20/02/2021 âm lịch (tức ngày 01/4/2021 dương lịch). Trên cơ sở nội dung các bên ký kết thì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo Điều 463, 470 Bộ luật dân sự. Hợp đồng đã được hai bên tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi người có đủ năng lực hành V dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng không V phạm các điều cấm, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này là hợp pháp và là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng: Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, bà Đoàn Thị M đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cho bà T số tiền cho vay là 70.000.000 đồng. Bà T đã nhận đủ số tiền với mục đích sử dụng vào Vệc gia đình nhưng bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Nên bà M khởi kiện buộc vợ chồng bà T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà 70.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ. Đối với tiền lãi trong quá trình giải quyết vụ án bà M tự nguyện yêu cầu vợ chồng bà T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà 1% một tháng (tương ứng với 12% năm) trên số tiền nợ gốc tính từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không V phạm pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Bà Vũ Thị T thừa nhận “Giấy vay tiền” ngày 20/12/2020 âm lịch bà M cung cấp cho Tòa án là đúng, nhưng giấy do bà M ép bà Vết, vì khoảng năm 2018 bà có vay của vợ chồng bà M số tiền là 60 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận miệng, mỗi tháng bà phải trả cho bà M 4.500.000 đồng tiền lãi. Bà đã trả được 02 năm lãi với tổng số tiền 108.000.000 triệu đồng nhiều hơn số tiền gốc đã vay nên bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà M. Nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày trên của mình nên không có căn cứ để Tòa án xem xét. Ông Phạm Bá C đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập đến trụ sở Tòa án làm Vệc theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông không đến, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà M.

[5] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy: Có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M. Buộc bà Vũ Thị T và ông Phạm Bá C phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn Vy số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng, đồng thời phải trả số tiền lãi suất 1%/tháng tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/02/2021 đến ngày 10/8/2022) 18 tháng 09 ngày với số tiền là $(70.000.000đ \times 1\% / \text{tháng} \times 18 \text{ tháng } 09 \text{ ngày})$ 12.810.000 đồng. Tổng nợ gốc và lãi bà T, ông C phải trả cho bà M, ông Vy là 82.810.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 466 và 470 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà M.

Bà T ông C liên đới có nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tổng số tiền án phí phải nộp là $(82.810.000 \text{ đồng} \times 5\%)$ 4.140.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M về Vệc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Vũ Thị T và ông Phạm Bá C liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị M và ông Đoàn Văn Vy 70.000.000 đồng tiền gốc và 12.810.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền phải trả là 82.810.000 đồng (Tám mươi hai triệu, tám trăm mười nghìn đồng).

2. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị T và ông Phạm Bá C liên đới phải nộp 4.140.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị M số tiền tạm ứng án phí 2.350.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004606 ngày 14/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Xuân Tiến

Nguyễn Văn Hà

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ánh